

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Hoa
- Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 10-9-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-8-2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 145a/56 khu phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Đỗ Ánh D, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-8-2024, tại bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Ánh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 04/01/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 9 năm 2021 chị đã bỏ về thành phố B, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn

quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đỗ Ánh D**.

Về con chung: Anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 20 tháng 8 năm 2024, bị đơn anh **Đỗ Ánh D** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 04/01/2021. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng về làm ăn, chung sống hạnh phúc tại thành phố Hà Nội được khoảng 7 đến 8 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 9 năm 2021 chị **A** tự ý bỏ về Đồng Nai sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng cũng đã nhiều lần nói đến chuyện ly hôn nhưng do vợ chồng ở mỗi người một nơi nên chưa giải quyết được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị **A** làm đơn xin ly hôn anh nhất trí

Về con chung: Không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh **Đỗ Ánh D** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số A, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Đỗ Ánh D** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** và anh **Đỗ Ánh D** được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 04/01/2021 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7 đến 8

tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Từ tháng 9 năm 2021 đến nay chị **A** đã bỏ về quê tại tỉnh Đồng Nai sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị **A** và anh **D** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** được ly hôn anh **Đỗ Ánh D** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị **A**, anh **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** được ly hôn anh **Đỗ Ánh D**

2. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2024/0001070 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 19 tháng 8 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND thị trấn Mậu A;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Mai Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Đại Phác;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Hương